

**Bảng kết quả thực hiện chỉ tiêu tháng 10 năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2023 của UBND xã Phú Tân)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023		Tỷ lệ %
				Tháng 10	Lũy kế	
1	- Tổng thu NS từ kinh tế địa phương - Chi	Tr.đ Tr.đ	1.926.000.000 6.704.500.000	139.615.241 621.879.405	2.065.222.336 3.893.184.860	107,2 58,1
2	A. Nông nghiệp					
	I. Trồng trọt					
	1. Cây chất bột có củ					
	Diện tích	ha	30		40	133,3
	Sản lượng	tấn	340	210	241	70,9
	2. Màu thực phẩm					
	- Diện tích rau, đậu các loại	ha	65	07	75	115,4
	Sản lượng	tấn	830	133	659	79,4
	Trong đó:					
	* Dưa hấu					
	Diện tích	ha	40	07	47	117,5
	Sản lượng	tấn	450	45	506	112,4
	* Rau, đậu các loại (ớt, cà...)					
	Diện tích	ha			15	
	Sản lượng	Tấn		27	57	
	* Cây gia vị (sả)					
	Diện tích	ha	10		13	130
	Sản lượng	Tấn	150	61	96	64
	3. Cây lâu năm					
	Diện tích	ha	11		11	100
	Sản lượng	Tấn	100	17	67	67
	Trong đó:					
	* Cây ăn trái					
	Diện tích	ha	11		11	100
	Sản lượng	Tấn	100	17	67	67
	II. Chăn nuôi					
	Heo	con	500	65	585	117
	Bò	con	320	50	310	96,9
	Đàn gia cầm	con	8.000	1.100	11.500	143,8
	B. Lâm nghiệp					
	1. Trồng mới, trồng dặm	ha	16,12		3,93	24,4
	2. Tổng diện tích rừng	ha	751,88			
C. Thủy sản						
1. Diện tích nuôi trồng	ha	5.100		5.635	110,5	
Trong đó:						
DT nước mặn, lợ	ha	5.100		5.635	110,5	
DT nước ngọt	ha					
2. Tổng sản lượng	tấn	37.510	3.900	33.282	88,7	
Sản lượng nuôi	tấn	36.070	3.670	31.825	88,2	
Sản lượng khai thác	tấn	1.440	230	1.457	101,2	
Trong đó:						
Khai thác biển	tấn	950	170	980	103,2	
Khai thác nội địa	tấn	490	60	477	97,3	

3	Y tế, Dân số, KHH gia đình					
	Tỷ lệ trẻ SDD < 5 tuổi	%	11,15			
	Tỷ suất sinh thô	‰	≥ 14,6			
	Tỷ lệ sàng lọc trước khi sinh	%	≥ 66	10	55/55TH	
	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	≥ 90	04	42TH	
	Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn:					
	- Tư vấn	%	≥ 96,07		104,1	
- Khám sức khỏe	%	≥ 40		102,5		
4	Lao động, TB và Xã hội					
	Xuất khẩu lao động	L.động	01		02	200
	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	1,44 (15 hộ)			
	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	Tr.đ	40		80	200
	Quỹ Bảo trợ trẻ em	Tr.đ	65	39,7	215,4	331,4
5	Giáo dục					
	Phổ cập Mầm non trẻ em 5 tuổi		Đạt chuẩn			
	Phổ cập tiểu học		Mức 3			
	Phổ cập THCS		Mức 2			
	Xóa mù chữ		Mức 2			
6	Giảm các loại tội phạm					
7	- Huấn luyện	Người	78		78	100
	- Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho các đối tượng	Người	4		4	100
	- Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ	TN	7		7	100
8	Thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo					
9	Thực hiện công tác bảo vệ, cải thiện môi trường đạt hiệu quả					
	- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp VS	%	100		100	100
	Trong đó tỷ lệ hộ dân sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung	%	85		85,3	100,4
	- Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom	%	86		82	95,3

Ghi chú: Diện tích nuôi, khai thác thủy sản bao gồm khu vực nuôi và khai thác nhuyễn thể hai mảnh vỏ ở Cồn Ngang và Cồn Vuột.